TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **51**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2023.
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đỗ Thị Hòa.
+ Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu Bình– Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1998

HKTT: Cụm 9, xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1993,

HKTT: Cụm 9, xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Hiện đang cải tạo tại Phân trại 3, Trại giam Số 5, Bộ Công an – Xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L và anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1993, HKTT: Cụm 9, xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn do không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu Đăng K, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Đỗ Hữu Đình S, sinh ngày 18/7/2021. Khi ly hôn chị L xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu T kết hôn cùng chị Lương Thị L, sinh năm 1998, HKTT: Cụm 9, xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn do không hợp nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu Đăng K, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Đỗ Hữu Đình S, sinh ngày 18/7/2021. Khi ly hôn anh T đề nghị giao cả 02 con cho bà Vương Thị T là mẹ anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi cung cấp bản khai cho Tòa án thì anh T thay đổi ý kiến đã trình bày, không đồng ý nội dung biên bản làm việc.

***Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L, cho chị L được ly hôn anh Đỗ Hữu T.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Hữu Đăng K, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Đỗ Hữu Đình S, sinh ngày 18/7/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ghi nhận chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*, hiện chị L đang cư trú tại xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, anh T hiện đang cải tạo tại Trại giam Số 5, tỉnh Thanh Hóa và đồng ý Tòa án nhân huyện Phúc Thọ giải quyết vụ án. Căn cứ Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù và có đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Lương Thị L và anh Đỗ Hữu T kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LH, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý ly hôn chị L vì hai vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau nữa, nhưng sau đó lại thay đổi lời khai không đồng ý. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*. Như vậy hiện tại chị L và anh T đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu Đăng K, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Đỗ Hữu Đình S, sinh ngày 18/7/2021. Khi ly hôn chị L xin nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho mẹ anh là bà T nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện anh T đang phải chấp hành án phạt tù; Trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng các con thuộc về bố mẹ. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L, cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Đỗ Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hữu Đăng K, sinh ngày 13/11/2018 và cháu Đỗ Hữu Đình S, sinh ngày 18/7/2021 cho chị Lương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Hữu T được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Lương Thị L không yêu cầu anh Đỗ Hữu T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Lương Thị L và anh Đỗ Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013005 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã An Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải